TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CỦ CHI** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2018/HC-ST
Ngày: 26/10/2018
V/v khiếu kiện quyết định hành chính

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Trịnh Minh Đức.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Long.

2. Bà Võ Thị Thu Thảo.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Trương Văn Bé – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Thương – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa sơ thẩm công khai xét xử vụ án hành chính đã thụ lý số 23/2014/TLST-HC ngày 15 tháng 10 năm 2014 về "Khiếu kiện Quyết định hành chính" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 279/2018/QĐST-HC ngày 26 tháng 9 năm 2018 giữa:

- *Người khởi kiện*: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Số 134/109/257 đường L, Phường x, Quận y, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp của ông D: Ông Nguyễn Tiến Hiếu, sinh năm 1983, địa chỉ: 16 đường 17, khu dân sư Sông Đà, khu phố 6, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 16/01/2014). (Có mặt)

- *Bên bị kiện*: Ủy ban nhân dân huyện C.

Địa chỉ: Khu phố 7, Tỉnh lộ 8, thị trấn C, huyện C, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân huyện C: Ông Nguyễn Việt D – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 08/6/2017). (Vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân huyện C: Ông Nguyễn Văn V – Phó trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện C. (Có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Bà Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Số 575/31/23 đường C, Phường x, Quận y, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp của bà T: Ông Lê Tấn Thành, sinh năm 1973, địa chỉ: Số 83, đường Nguyễn Thị Nê, xã Phú Hòa Đông, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 18/7/2017). (Có mặt)

2. Bà Trần Thạch Th, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Số 575/31/23 đường C, Phường x, Quận y, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp của bà Th: Bà Đoàn Thị Thiên Thanh Thu, sinh năm 1975, địa chỉ: 136, Tỉnh lộ 8, khu phố 2, thị trấn Củ Chi, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh (văn bản ủy quyền ngày 10/11/2014). (Vắng mặt)

3. Ông Nguyễn Quang T, sinh năm 1971. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 394 đường N, Phường x, quận G, Thành phố H.

NHẬN THẤY:

Theo đơn khởi kiện ngày 01/10/2014 và biên bản đối thoại, người khởi kiện ông Nguyễn Văn D trình bày:

Ngày 25/6/2012, bà Trần Thạch Th có vay của ông số tiền 400.000.000 đồng. Bà Th dùng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 347/QSDĐ/CQ của bà Nguyễn Thị Thu T giao cho ông để làm tin. Ngày 28/8/2012, bà Th viết cam kết nhận nợ với ông có bà T ký tên làm chứng. Bà T biết bà Th giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà T cho ông giữ để làm tin nhưng bà T lại đi làm thủ tục xin cấp phó bản là không đúng. Chứng cứ là tờ cam kết ngày 28/8/2012 và biên bản làm việc ngày 28/5/2014 của Phó Chánh thanh tra huyện C đối với bà T.

Ông yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02461 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho bà T ngày 22/01/2013.

Tại đơn khởi kiện bổ sung ngày 01/6/2015, người khởi kiện ông Nguyễn Văn Du yêu cầu hủy Quyết định số 733/QĐ-UBND ngày 18/01/2013 của Ủy ban nhân dân huyện C và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02461 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho bà T ngày 22/01/2013.

Tại biên bản tổ chức đối thoại ngày 15/6/2015 người đại diện hợp pháp của người bị kiện ông Đinh Thành C trình bày:

Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 733/QĐ-UBND ngày 18/01/2013 và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02461 ngày 22/01/2013 cho bà Nguyễn Thị Thu T là căn cứ vào đơn cớ mất giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà T có xác nhận của Công an Phường x, Quận y, Thành phố H. Ủy ban đã thực hiện thủ tục niêm yết, thông báo mất giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà T, sau khi kết thúc thời gian niêm yết, Ủy ban nhân dân huyện C ban hành quyết định số 733/QĐ-UBND ngày 18/01/2013 về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 347/QSDĐ/CQ ngày

18/12/2013 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho bà T với lý do bị thất lạc và cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T.

Sau khi ông Du khiếu nại, Ủy ban nhân dân huyện C đã kiểm tra lại trình tự thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T, việc cấp phó bản giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T. Xét thấy, Ủy ban nhân dân huyện C ban hành quyết định số 733/QĐ-UBND ngày 18/01/2013 là đúng quy định pháp luật. Ông không đồng ý với yêu cầu của người khởi kiện.

Tại bản tự khai ngày 28/6/2017, người đại diện hợp pháp của người bị kiện ông Nguyễn Việt D trình bày:

Ngày 21/7/2014, Ủy ban nhân dân huyện C ban hành văn bản số 5386/UBND-TTH về việc cấp phó bản giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Bà Nguyễn Thị Thu T từ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 347/QSDĐ/CQ ngày 18/12/2003. Ông nhất trí như nội dung của văn bản số 5386/UBND-TTH ngày 21/7/2014 của Ủy ban nhân dân huyện C.

Tại biên bản tổ chức đối thoại ngày 15/6/2015, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thu T trình bày:

Chữ ký người chứng kiến trong tờ cam kết do bà Trần Thạch Th lập ngày 28/8/2012 là của bà. Lý do: Cháu bà là Trần Thạch Th vay tiền của ông Nguyễn Văn D, Th tự ý lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 347/QSDĐ/CQ ngày 18/12/2003 giao cho ông D để làm tin, bà hoàn toàn không biết. Ngày 28/8/2012 tại Công an Phường x, Quận y, Thành phố H, Th viết giấy cam kết trả nợ cho ông Du. Ông D cam kết trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà sau thời gian 02 tháng. Lý do bà đồng ý cho ông D giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 02 tháng là vì ông D năn nỉ bà cho ông giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để bà Th trả tiền. Hết thời hạn 02 tháng, bà không liên lạc được với ông D để lấy lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 29/10/2012, bà làm đơn cớ mất giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại Công an Phường x, Quận y, Thành phố H. Sau đó, bà làm thủ tục xin cấp lại phó bản giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại Ủy ban nhân dân huyện C. Ngày 22/01/2013, bà được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02461.

Tại thời điểm nộp hồ sơ xin cấp phó bản giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà không cung cấp thông tin ông D đang giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 347/QSDĐ/CQ ngày 18/12/2003 của bà mà không trả. Lý do: Bà thiếu hiểu biết về pháp luật và sợ ông D mang giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thế chấp cho người khác.

Tại biên bản tổ chức đối thoại ngày 15/6/2015, người đại diện hợp pháp của bà Trần Thạch Th là bà Đoàn Thị Thiên Thanh Thu trình bày:

Bà Th lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 347/QSDĐ/CQ ngày 18/12/2003 của bà T giao cho ông D để làm tin trong việc vay mượn tiền mà không được bà T đồng ý. Bà T và ông D cũng không có thỏa thuận nào khác.

Tại bản tự khai ngày 29/8/2018, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Quang T trình bày:

Ông có nhận chuyển nhượng một phần đất của bà Nguyễn Thị Thu T thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02461 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho bà T ngày 22/01/2013, theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 24/3/2017 tại Văn phòng Công chứng C. Ông đã làm thủ tục đăng bộ sang tên và đã được Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 04/5/2017. Do đó, việc ông Nguyễn Văn D yêu cầu hủy quyết định số 733/QĐ-UBND ngày 18/01/2013 của Ủy ban nhân dân huyện C và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02461 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho bà T ngày 22/01/2013 thì ông đề nghị Tòa án xét xử theo đúng quy định của pháp luật, bảo vệ quyền lợi hợp pháp của ông vì khi ông nhận chuyển nhượng phần đất này, bà T không thông báo việc Tòa án đang giải quyết vụ kiện hành chính giữa ông Nguyễn Văn D đối với Ủy ban nhân dân huyện C.

Tại phiên tòa:

Người đại diện hợp pháp của ông Nguyễn Văn D yêu cầu hủy Quyết định số 733/QĐ-UBND ngày 18/01/2013 của Ủy ban nhân dân huyện C và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02461 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho bà Nguyễn Thị Thu T ngày 22/01/2013.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân huyện C, ông Nguyễn Văn V không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn D.

Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị Thu T không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn D đối với Ủy ban nhân dân huyện C.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định. Tuy nhiên, Thẩm phán đã vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn D đối với Ủy ban nhân dân huyện C.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ nội dung đơn khởi kiện có cơ sở xác định quan hệ tranh chấp là "Khiếu kiện quyết định hành chính" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án

nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 29 Luật Tố tụng hành chính.

Xét sự vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa:

Người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân huyện C là ông Nguyễn Việt D, người đại diện hợp pháp của bà Trần Thạch Th là bà Đoàn Thị Thiên Thanh Thu và ông Nguyễn Quang T có đơn xin vắng mặt; căn cứ khoản 1 Điều 132 Luật Tố tụng hành chính, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

Xét yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn D đối với Ủy ban nhân dân huyện C, xét thấy:

Ông Nguyễn Văn D yêu cầu hủy Quyết định số 733/QĐ-UBND ngày 18/01/2013 của Ủy ban nhân dân huyện C và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02461 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho bà Nguyễn Thị Thu T ngày 22/01/2013, xét thấy:

1.Về thẩm quyền ban hành:

Căn cứ khoản 2 Điều 52 Luật Đất đai năm 2003, Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02461 cho bà Nguyễn Thị Thu T ngày 22/01/2013 là đúng thẩm quyền.

2. Về trình tự, thủ tục ban hành:

Ngày 31/10/2012, bà Nguyễn Thị Thu T nộp hồ sơ xin cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bị mất, kèm theo hồ sơ có đơn cớ mất ngày 19/10/2012 được Công an phường x, Quận y, Thành phố H xác nhận.

Ngày 07/11/2012, Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất huyện C ban hành Thông báo số 25422/TB-VPĐKQSDĐ về việc mất giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị Thu T. Thông báo này đã được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã T, huyện C từ ngày 27/11/2012 đến ngày 28/12/2012, trong thời gian này không có ai khiếu nại.

Ngày 04/01/2013, Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất huyện C kiểm tra hồ sơ theo Phiếu kiểm tra ngày 04/01/2013.

Ngày 16/01/2013, Phòng Tài nguyên – Môi trường huyện C ban hành Tờ trình số 201/TTr-TNMT về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 347/QSDĐ/CQ do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho bà Nguyễn Thị Thu T ngày 18/12/2003, lý do bị thất lạc.

Ngày 18/01/2013, Ủy ban nhân dân huyện C ban hành quyết định số 733/QĐ-UBND về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 347/QSDĐ/CQ do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho bà Nguyễn Thị Thu T ngày 18/12/2003. Tại Điều 2 của Quyết định đã nêu: Cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị Thu T, thửa đất số 510, tờ bản đồ số 09, diện tích 2346,5m^2, theo tài liệu bản đồ kỹ thuật số, loại đất: đất ở và đất trồng cây lâu năm, thời hạn sử dụng: Lâu dài và 2045, thuộc bộ địa chính xã T, huyện C.

Ngày 22/01/2013, Ủy ban nhân dân huyện C ban hành giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02461 cấp cho bà Nguyễn Thị Thu T.

Căn cứ Điều 24 Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và Điều 4 Thông tư số 16/2011/TT-BTNMT ngày 20/5/2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định sửa đổi, bổ sung một số nội dung liên quan đến thủ tục hành chính về lĩnh vực đất đai thì trình tự, thủ tục Ủy ban nhân dân huyện C ban hành quyết định số 733/QĐ-UBND ngày 18/01/2013 về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 347/QSDĐ/CQ ngày 18/12/2003 và cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02461 cho bà Nguyễn Thị Thu T ngày 22/01/2013 là đúng quy định.

3. Về nội dung:

Ngày 25/6/2012, bà Trần Thạch Th là cháu ruột của bà Nguyễn Thị Thu T có vay của ông Nguyễn Văn D số tiền 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng), khi vay tiền, bà Th dùng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 347/QSDĐ/CQ ngày 18/12/2003 đứng tên bà Nguyễn Thị Thu T giao cho ông D để làm tin. Ông D cho rằng bà T biết bà Th giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà T cho ông D giữ để làm tin nhưng bà T lại đi làm thủ tục xin cấp phó bản là không đúng. Tuy nhiên, thông qua giao dịch này đã thể hiện rõ bà Nguyễn Thị Thu T không có giao dịch gì với ông Nguyễn Văn D liên quan đến giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 347/QSDĐ/CQ do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho bà T ngày 18/12/2003 và bà T cũng không thừa nhận biết việc bà Th giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 347/QSDĐ/CQ ngày 18/12/2003 đứng tên của bà cho ông D để làm tin. Như vậy, việc bà Trần Thạch Th lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 347/QSDĐ/CQ do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho bà Nguyễn Thị Thu T ngày 18/12/2003 giao cho ông D để làm tin trong việc vay mượn số tiền 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng) mà không được bà T đồng ý là không đúng pháp luật và việc ông D nhận giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 347/QSDĐ/CQ do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho bà Nguyễn Thị Thu T ngày 18/12/2003 nhưng người giao không phải bà T cũng không đúng pháp luật. Do đó, việc bà T xin cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bị mất và việc Ủy ban nhân dân huyện C cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02461 cho bà Nguyễn Thị Thu T ngày 22/01/2013 là phù hợp quy định của pháp luật. Việc bà Trần Thạch Th vay mượn tiền của ông Nguyễn Văn D nhưng bà Th không thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì ông D có quyền khởi kiện bà Th bằng một vụ án khác.

Từ những nhận định nêu trên, xét thấy ông D yêu cầu hủy Quyết định số 733/QĐ-UBND ngày 18/01/2013 của Ủy ban nhân dân huyện C và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02461 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho bà Nguyễn Thị Thu T ngày 22/01/2013 là không có cơ sở chấp nhận.

Xét lời trình bày của ông Nguyễn Văn V, là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân huyện C đề nghị giữ nguyên Quyết định số

733/QĐ-UBND ngày 18/01/2013 của Ủy ban nhân dân huyện C và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02461 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho bà Nguyễn Thị Thu T ngày 22/01/2013, như nhận định nêu trên, xét thấy phù hợp nên chấp nhận.

Xét lời trình bày của người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị Thu T về việc không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn D đối với Ủy ban nhân dân huyện C, như nhận định nêu trên, xét thấy phù hợp nên chấp nhận.

Xét ý kiến trình bày của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi tại phiên tòa, như nhận định nêu trên, xét thấy phù hợp nên chấp nhận.

Án phí hành chính sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên ông Nguyễn Văn D phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo qui định tại Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội là phù hợp.

Từ những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 29 và khoản 1 Điều 132 Luật Tố tụng hành chính;

- Áp dụng Điều 48, 49, 50, khoản 2 Điều 52 Luật Đất đai năm 2003;

- Áp dụng Điều 11, 12, 24 Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ;

- Áp dụng Điều 4 Thông tư số 16/2011/TT-BTNMT ngày 20/5/2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định sửa đổi, bổ sung một số nội dung liên quan đến thủ tục hành chính về lĩnh vực đất đai.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn D về việc yêu cầu hủy Quyết định số 733/QĐ-UBND ngày 18/01/2013 của Ủy ban nhân dân huyện C và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02461 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho bà Nguyễn Thị Thu T ngày 22/01/2013.

Án phí hành chính sơ thẩm: 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) ông Nguyễn Văn D phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm đã nộp là 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) theo biên lai số 04235 ngày 15/10/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND H. Củ Chi;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Chi cục THADS H. Củ Chi;
- Các đương sự;
- Lưu: Vp, hồ sơ.

(Đã ký)

Phan Trịnh Minh Đức